

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 348/2025/DS-PT

Ngày: 15 - 9 - 2025

“V/v: “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Cao Gia, bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 275/2025/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng ủy quyền*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 04/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2025/QĐXX-PT ngày 07/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 315/2025/QĐ-PT ngày 27/8/2025, giữa các đương sự:

– **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số A Bà T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

– **Bị đơn:** Ông Trần Minh L, sinh năm 1968 và ông Trần Minh T, sinh năm 1993. Cùng địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Ông L vắng mặt, ông T có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Trần Minh T. Có mặt.

– **Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H Trình bày:**

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày rằng ngày 24/11/2022, bà H và ông L đã ký "Hợp đồng thỏa thuận" để ông L đại diện bà H tham gia tố tụng trong một vụ án dân sự khác. Thù lao thỏa thuận là 240.000.000 đồng và bà H đã thanh toán đủ cho ông L.

Cũng trong ngày 24/11/2022, theo đề nghị của ông L nhằm tạo điều kiện cho con trai là ông Trần Minh T học hỏi kinh nghiệm, các bên đã ký thêm "Hợp đồng ủy quyền" có cả ông L và ông T là người đại diện, hợp đồng này được UBND xã E chứng thực. Mặc dù có hai người đại diện, bà H cho rằng ông L mới là người chịu trách nhiệm chính trong việc nghiên cứu hồ sơ, soạn thảo văn bản và làm việc với Tòa án theo như "Hợp đồng thỏa thuận".

Ngày 01/12/2023, ông Trần Minh L bị bắt tạm giam. Sau sự việc này, bà H đã nhiều lần liên hệ với ông T để giải quyết công việc nhưng ông T có thái độ lẩn tránh, không hợp tác, thậm chí thách thức, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Do đó, bà H khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy "Hợp đồng ủy quyền" ngày 24/11/2022 giữa bà và ông L, ông T.
- Tuyên hủy "Hợp đồng thỏa thuận" ngày 24/11/2022 giữa bà và ông L.
- Buộc ông Trần Minh L phải trả lại cho bà Hằng số tiền 120.000.000 đồng, tương đương 50% tổng thù lao đã nhận.

*** Bị đơn ông Trần Minh L trình bày:**

Ông L thừa nhận việc ký kết hai hợp đồng trên. Ông không đồng ý với yêu cầu "tuyên hủy" hợp đồng của bà H, mà chỉ đồng ý "chấm dứt" hợp đồng theo các điều khoản đã thỏa thuận. Ông L không chấp nhận trả lại 120.000.000 đồng vì cho rằng chính bà H đã vi phạm hợp đồng. Cụ thể:

- Bà H đã vi phạm cam kết khi ký hợp đồng ủy quyền với một người khác (bà Nguyễn Thị M) trong khi hợp đồng với ông vẫn còn hiệu lực.
- Bà H đã cung cấp thông tin không chính xác về vụ việc gốc, vi phạm cam kết tại Điều 2 của "Hợp đồng thỏa thuận".
- Theo các điều khoản đã ký, những vi phạm này của bà H cho phép phía ông được đơn phương chấm dứt hợp đồng, và công việc được xem là đã hoàn thành, do đó phí thù lao không được hoàn lại.

*** Bị đơn ông Trần Minh T (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông L) trình bày:**

Ông T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Ông T khẳng định:

- Hợp đồng ủy quyền được ký kết hợp pháp và nêu rõ:
"...Trong trường hợp một trong hai người thuộc bên B được ủy quyền vắng mặt thì người còn lại vẫn được thực hiện đầy đủ các nội dung công việc...". Do đó, việc ông L vắng mặt không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng.
- Ông T bác bỏ việc tham gia chỉ để "học hỏi kinh nghiệm", và cho biết bà H đã chủ động nhờ ông tư vấn nhiều vụ việc từ trước đó.

– Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa như hòa giải, đối chất và có mặt tại phiên tòa sơ thẩm vụ án, nhưng bà H đã không yêu cầu ông tiếp tục đại diện.

– Hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng của bà H là vi phạm thỏa thuận. Theo các điều khoản, khi bên A (bà H) tự ý chấm dứt hợp đồng mà bên B (ông T và ông L) không có lỗi, thì công việc được xem là hoàn thành và phí thù lao không được hoàn lại.

– Ông T chỉ đồng ý "chấm dứt" hợp đồng do hành vi đơn phương của bà H, chứ không đồng ý "hủy bỏ" hợp đồng và không đồng ý trả lại tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 04/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Tuyên hủy “Hợp đồng ủy quyền” ngày 24/11/2022 giữa bà Nguyễn Thị Thúy H với ông Trần Minh L và ông Trần Minh T và được Ủy ban nhân dân xã E, huyện C chứng thực;

- Tuyên hủy “Hợp đồng thỏa thuận v/v: Thực hiện nội dung ủy quyền/nhận ủy quyền theo Bộ luật dân sự năm 2015” ngày 24/11/2022 giữa bà Nguyễn Thị Thúy H với ông Trần Minh L;

- Buộc ông Trần Minh L có nghĩa vụ trả cho bà Hằng số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai triệu đồng), tương ứng 50% số tiền mà ông Trần Minh L đã nhận.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 6.300.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 3.300.000 đồng (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0006804 và số AA/2023/0006805, cùng ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Bà Nguyễn Thị Thúy H còn phải nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Minh L và ông Trần Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án,

các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Các hợp đồng được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc ông L bị bắt giam không phải là căn cứ để hủy bỏ hợp đồng là có cơ sở. Cụ thể, tại Điều 1 của Hợp đồng ủy quyền thể hiện trường hợp một trong hai người đại diện vắng mặt thì người còn lại vẫn tiếp tục thực hiện công việc. Do đó, sự vắng mặt của ông L không ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng.

[2.2] Nguyên đơn cho rằng ông T lẩn tránh, không hợp tác nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Trong khi đó, hồ sơ vụ án thể hiện ông T vẫn tham gia tố tụng. Việc bà H đơn phương chấm dứt ủy quyền tại phiên tòa ngày 02/7/2024 không phải do lỗi của ông T.

[2.3] Việc bà H ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty L1 ngày 03/5/2024 là vi phạm cam kết tại mục 2.3 Điều 2 Hợp đồng thỏa thuận là không được giao dịch với bên thứ ba mà chưa có sự đồng ý của bên B (bị đơn). Vi phạm này tạo cơ sở cho phía bị đơn chấm dứt hợp đồng.

[2.4] Về yêu cầu trả lại 120.000.000 đồng: Tại mục 3.7.2 của Hợp đồng thỏa thuận quy định rằng công việc của bên B được coi là hoàn thành khi bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng. Bà H đã đơn phương chấm dứt hợp đồng và từ chối ủy quyền đối với ông T. Như vậy, công việc ủy quyền được xem như đã hoàn thành theo đúng thỏa thuận. Do đó, yêu cầu đòi lại tiền thù lao của nguyên đơn là không có cơ sở.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm kết nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện và đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 422. 423, 427, 428, 562, 563, 565, 566, 567 và 568 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0000257, ngày 04/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND KV5 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS KV5 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My